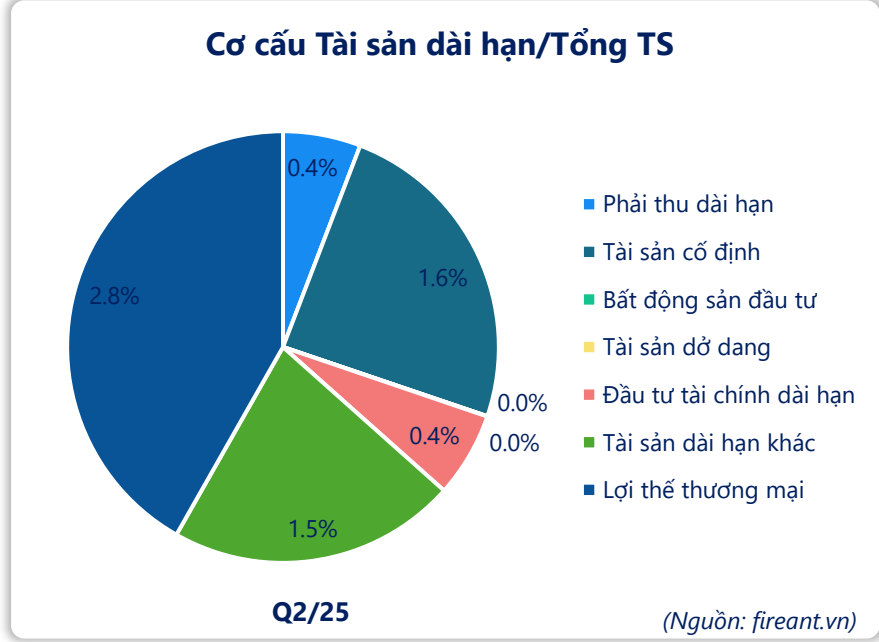
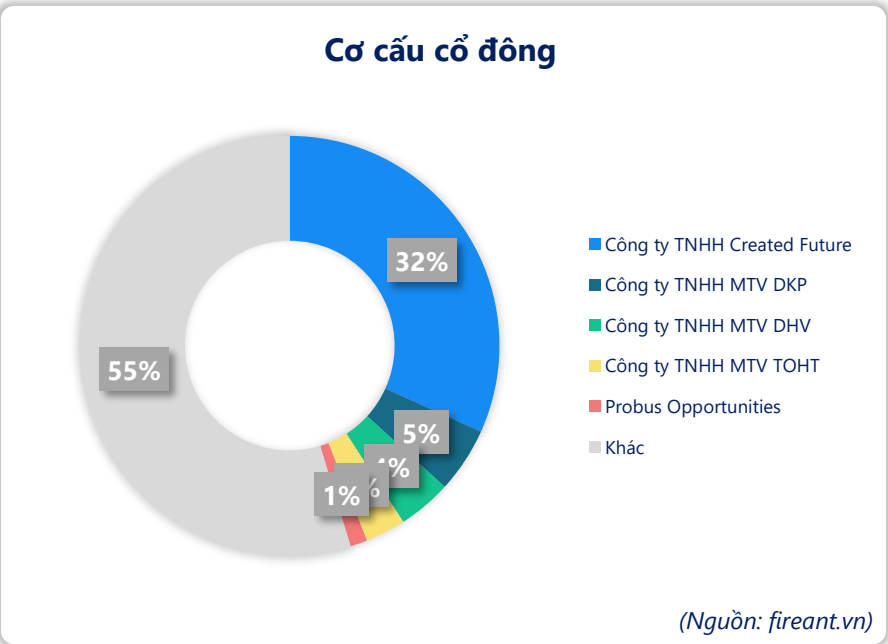
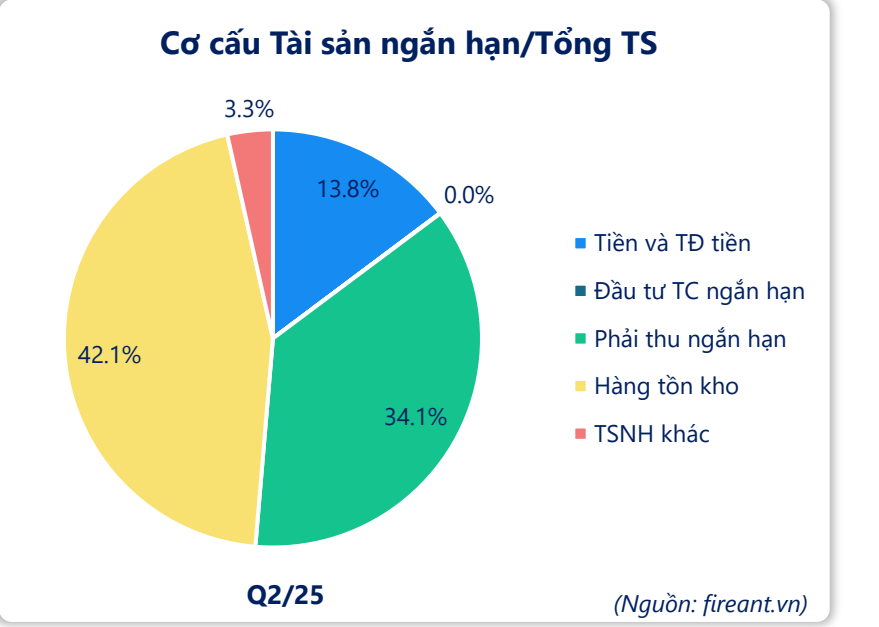
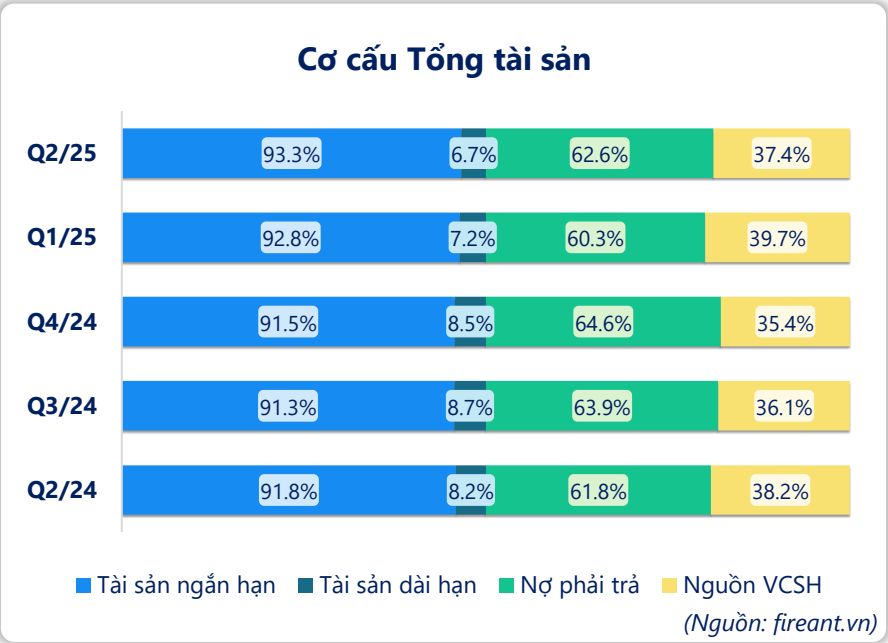
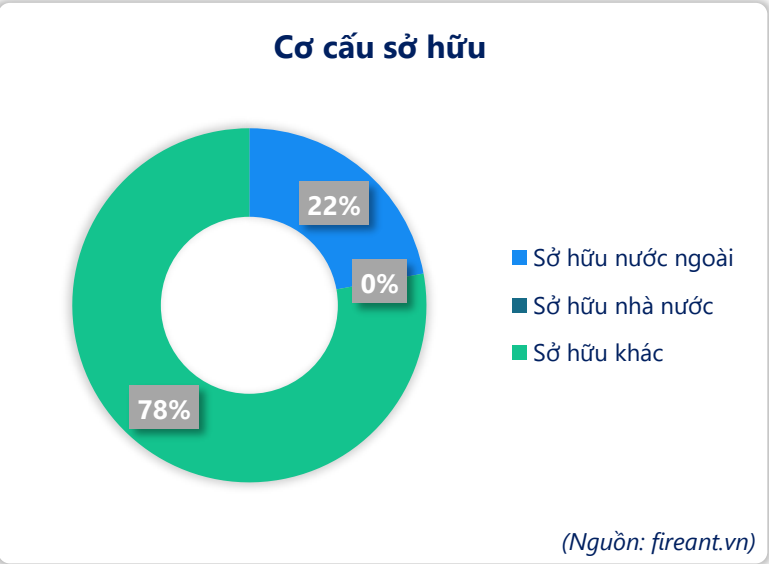
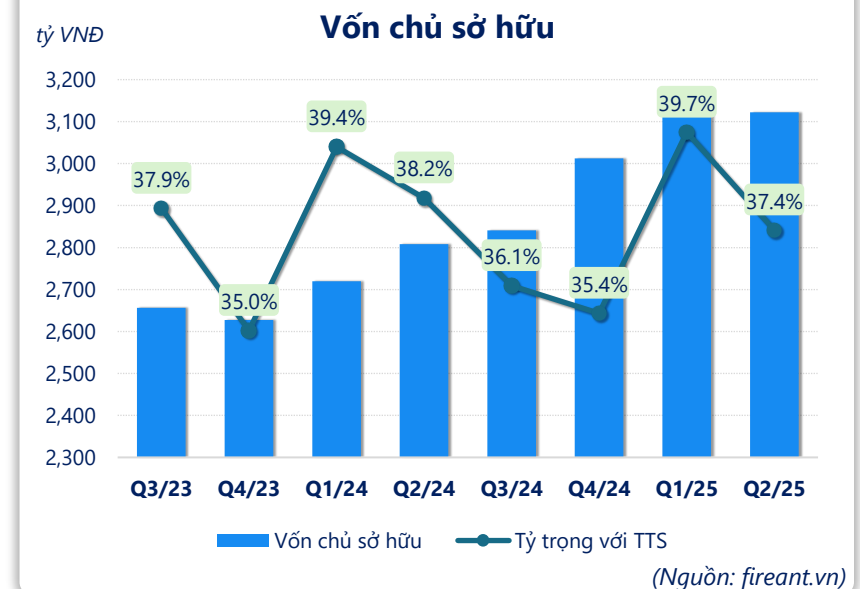
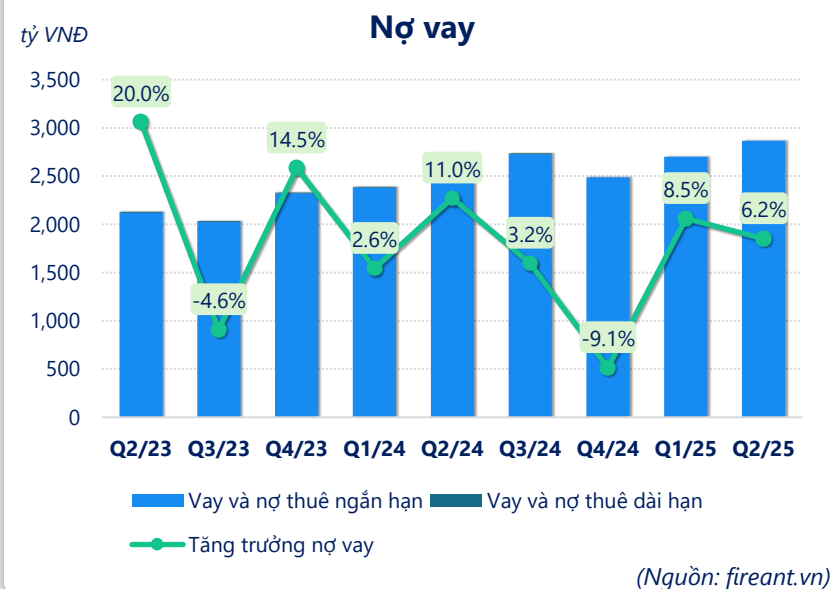
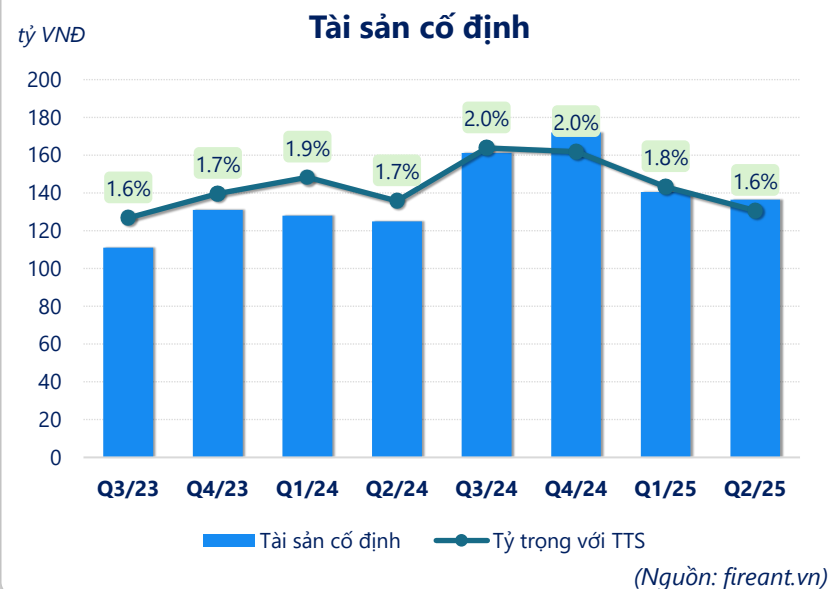
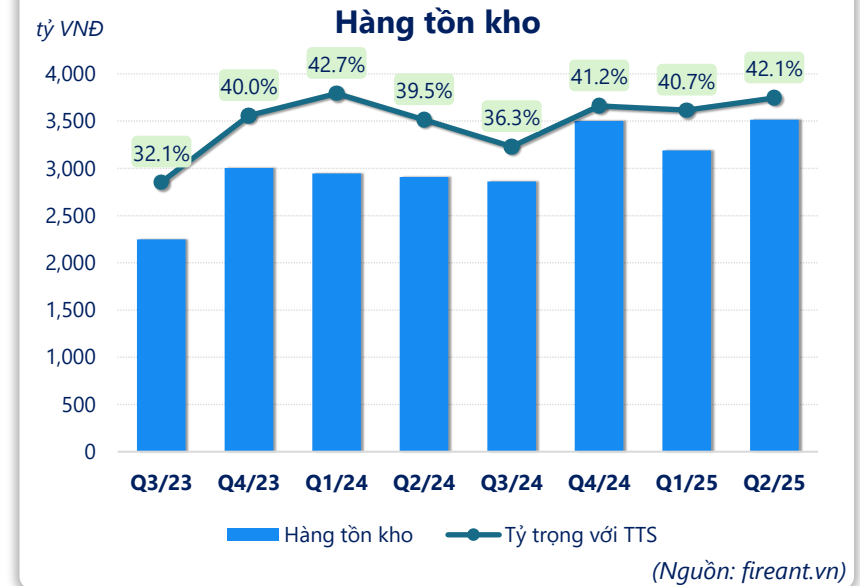
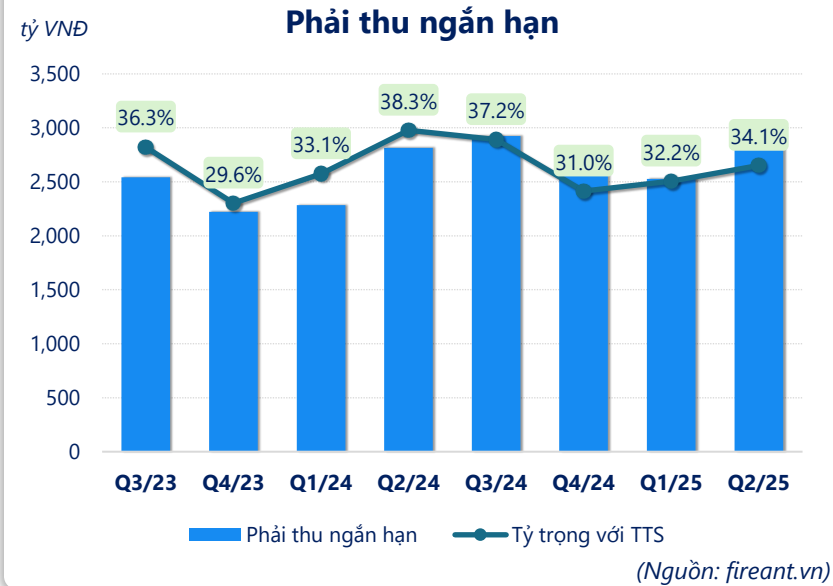
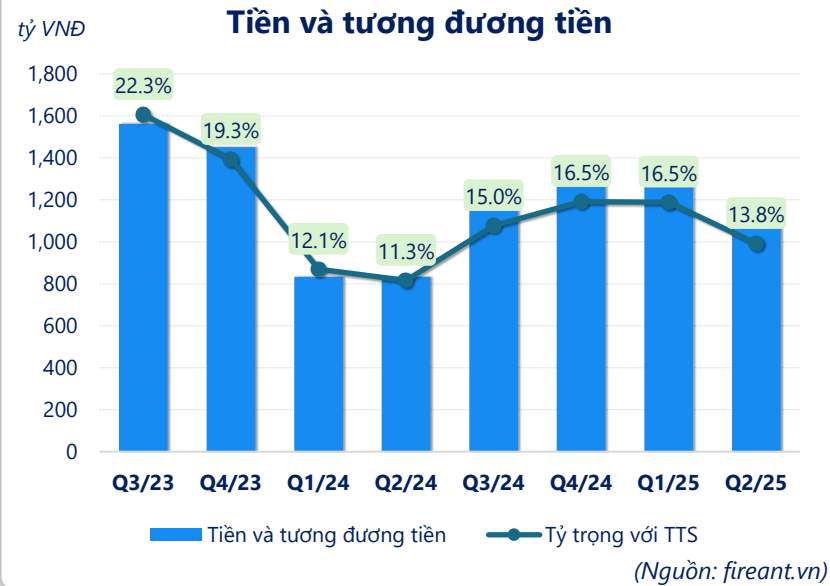
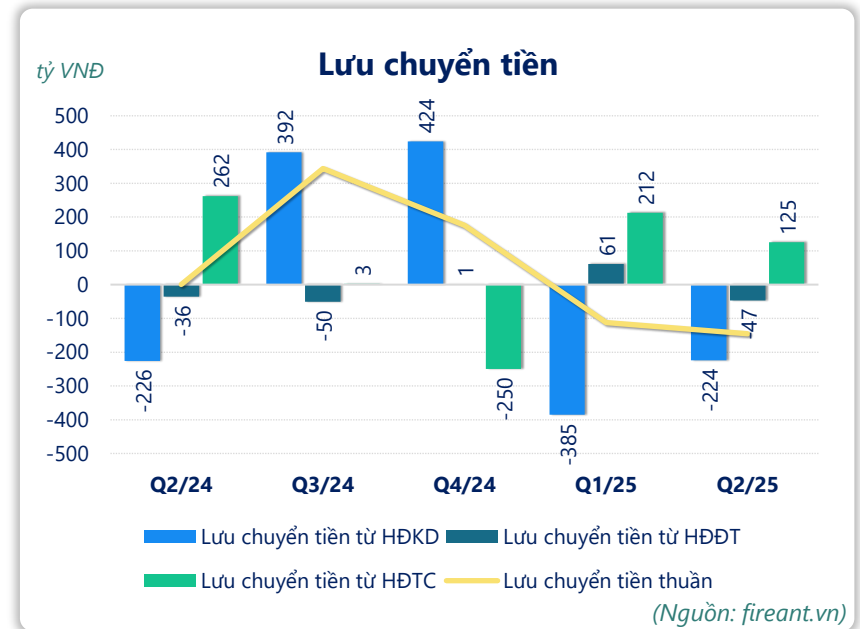
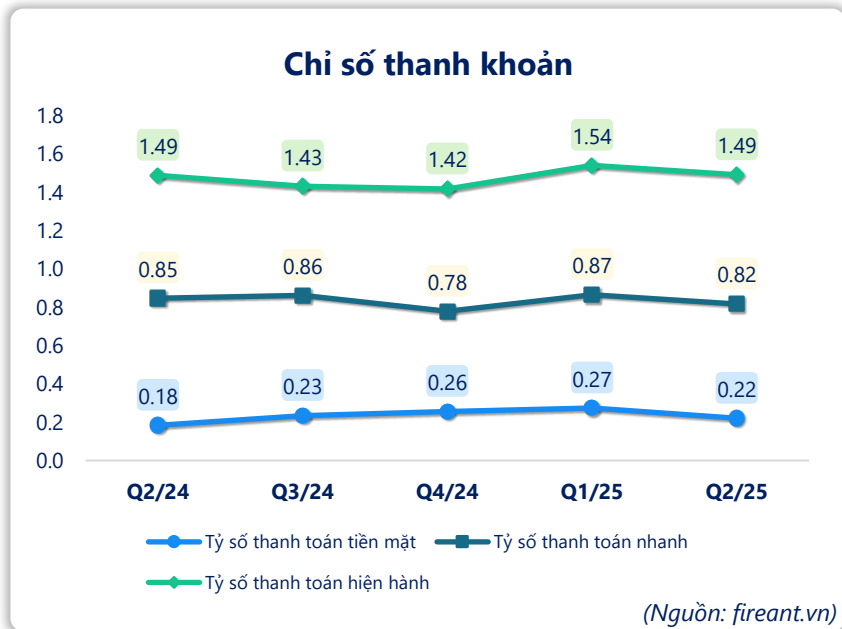
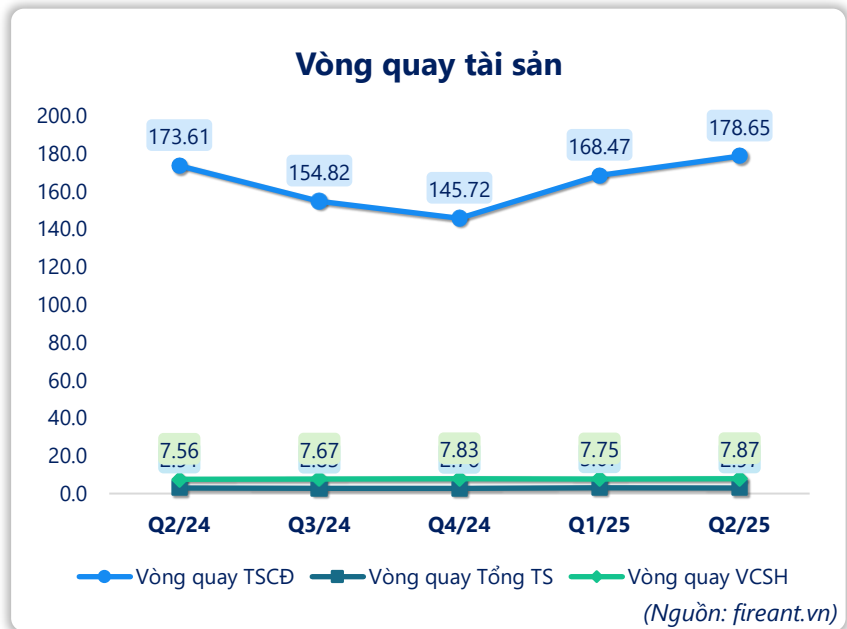
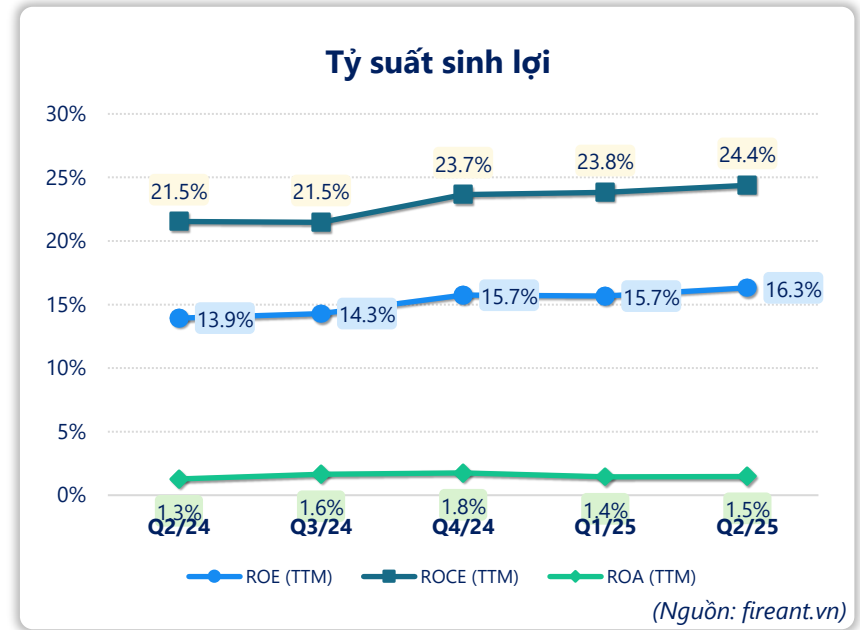
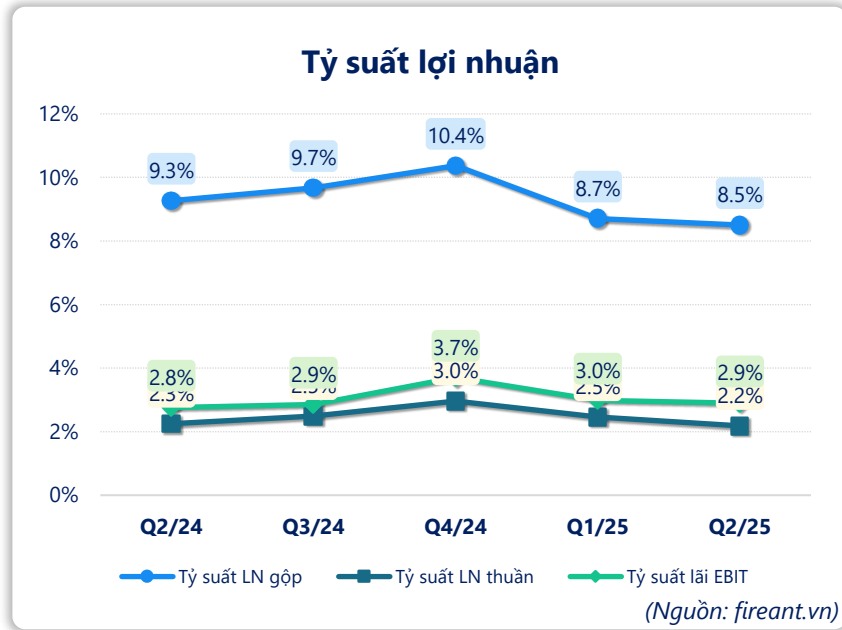
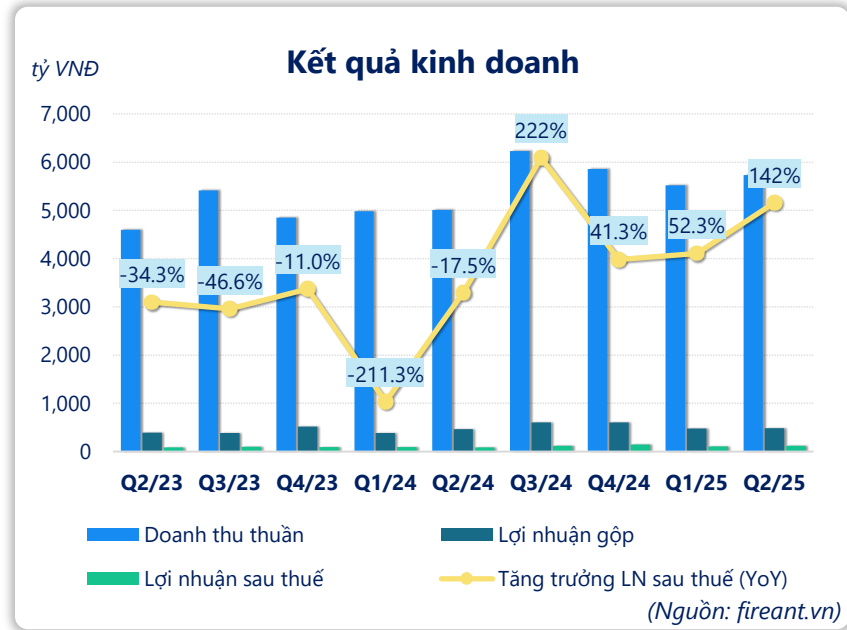


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		44,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		50,267
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,316
SL cổ phiếu LH		219,168,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,101,785
% sở hữu nước ngoài		22.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		9,643
P/E		19.9
EPS		2,207

	YTD	1T	3T	6T
DGW	8.2%	28.8%	18.8%	8.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,345	8,499	-1.8%
Tài sản ngắn hạn	7,785	7,772	0.2%
Tiền và tương đương tiền	1,149	1,407	-18.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.26	2.26	0.0%
Phải thu ngắn hạn	2,846	2,634	8.0%
Hàng tồn kho	3,515	3,501	0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	273	228	19.8%
Tài sản dài hạn	560	728	-23.1%
Phải thu dài hạn	32.6	67.3	-51.6%
Tài sản cố định	136	172	-20.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.13	2.10	-93.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	35.6	11.5	209%
Tài sản dài hạn khác	121	133	-8.6%
Lợi thế thương mại	234	342	-31.7%
Nợ phải trả	5,222	5,487	-4.8%
Nợ ngắn hạn	5,220	5,485	-4.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,865	2,487	15.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,902	2,303	-17.4%
Nợ dài hạn	2.53	2.53	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,122	3,012	3.7%
Vốn chủ sở hữu	3,122	3,012	3.7%
Vốn điều lệ	2,193	2,193	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	5,008	6,226	5,859	5,519	5,731
Giá vốn hàng bán	4,544	5,624	5,252	5,039	5,244
Lợi nhuận gộp	464	602	608	481	487
Doanh thu HĐTC	40.7	74.0	55.5	51.3	77.5
Chi phí TC	47.9	26.2	66.5	104	8.78
Chi phí lãi vay	25.5	29.5	27.9	27.4	34.3
LN trong công ty LKLD	0.23	-0.22	-1.50	0.09	1.21
Chi phí bán hàng	286	428	357	237	377
Chi phí QLDN	58.5	66.6	65.0	55.3	55.5
LN thuần từ HĐKD	113	155	174	136	125
Lợi nhuận khác	-0.13	-7.22	15.4	1.44	6.47
LN trước thuế	113	148	189	137	132
Lợi nhuận sau thuế	87.6	121	146	106	119
LNST của CĐ cty mẹ	89.1	122	140	106	116

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-226	392	424	-385	-224
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-35.5	-50.5	0.90	60.8	-46.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	262	2.53	-250	212	125
Tiền đầu kỳ	833	834	1,231	1,407	1,295
Lưu chuyển tiền thuần	0.51	344	176	-112	-146
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.30	0	0
Tiền cuối kỳ	834	1,177	1,407	1,295	1,149

(Nguồn: fireant.vn)